TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2024/HNGĐ – ST
Ngày: 10/12/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Tuấn Phong và bà Đặng Thị Mỹ Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 607/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 719/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lâm Thị Anh Đ, sinh năm 1982, địa chỉ: Số C, ấp M, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Phương T, sinh năm 1975, địa chỉ: Số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà Đ và ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Anh Đ trình bày*:**

Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2003 tại UBND xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ghen tuông, xâm phạm quyền riêng tư cá nhân. Bà Đ và ông T đã ly thân khoảng 06 tháng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lâm Thị Anh Đ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phương T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông T và bà Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 23/5/2004. Hiện con chung đã trưởng thành, có khả

năng lao động, do đó bà Đ không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Phương T vắng mặt không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Diễn biến tại phiên tòa:

+ Bà Lâm Thị Anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Phương T, về tài sản chung, nợ chung và con chung không yêu cầu giải quyết.

+ Ông Nguyễn Phương T không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm và muốn hàn gắn với bà Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP . tham gia phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng đúng theo quy định, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: Do quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đ. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Tranh chấp giữa bà Lâm Thị Anh Đ và ông Nguyễn Phương T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại số A, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về hôn nhân: Bà Đ và ông T tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ghen tuông, có lời lẽ đe dọa, xúc phạm và xâm phạm quyền riêng tư cá nhân của bà Đ. Từ đó, bà Đ đã bỏ về nhà cha mẹ của bà ở xã M sinh sống và ly thân với ông T khoảng 06 tháng nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lâm Thị Anh Đ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Phương T.

Bị đơn ông Nguyễn Phương T trình bày thống nhất với bà Đ về điều kiện tiến tới hôn nhân, thời gian chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên,

việc bà Đ tự ý bỏ nhà đi ông không biết nguyên nhân vì ông đi làm xa nhà nên đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Đ ông không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà Đ và tạo thêm thời gian để bà Đ và ông T có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, bà Đ vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông T vì hiện nay bà không còn tình cảm với chồng, mặc dù đã hàn gắn nhiều lần nhưng vẫn không mang lại kết quả.

Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Đ và ông T trong quá trình chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận ông có dùng lời lẽ xúc phạm bà Đ, từ đó cho thấy giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thông cảm và chia sẻ lẫn nhau, thực tế hôn nhân của ông, bà không tồn tại. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà Đ và ông T cũng xác định từ khi vợ chồng ly thân đến nay thì giữa vợ chồng không thể hàn gắn được tình cảm. Xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ sự nguyện của vợ chồng cùng nhau xây dựng hạnh phúc, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 *"Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình"*. Mặc dù, Hội đồng xét xử đã động viên cũng như tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà Đ vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn vì tình cảm của bà dành cho ông T không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa bà Đ và ông T không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Đ được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà Đ thống nhất vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thành P, sinh ngày 23/5/2004 tại thời điểm xét xử đã trưởng thành và có khả năng lao đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Đ và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà Lâm Thị Anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 280; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Anh Đ. Bà Lâm Thị Anh Đ được ly hôn với ông Nguyễn Phương T.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí: Bà Lâm Thị Anh Đ phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001675 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Lâm Thị Anh Đ đã nộp đủ án phí.

+ Về quyền kháng cáo:

Bà Lâm Thị Anh Đ và ông Nguyễn Phương T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND xã Mỹ Hòa Hưng;
- Lưu hồ sơ./.